

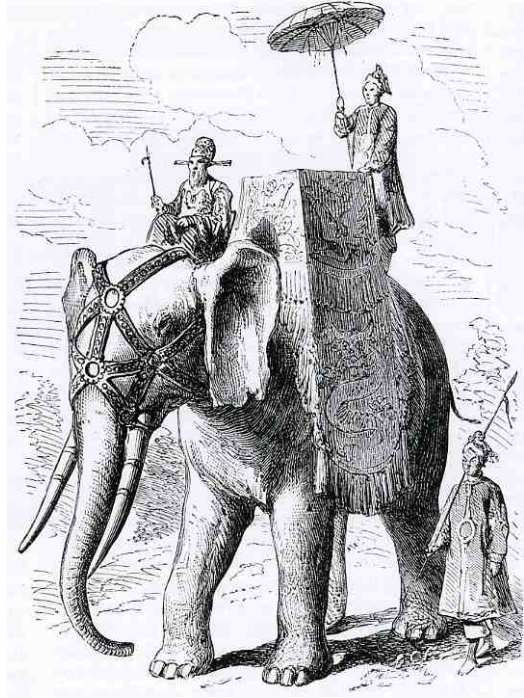
TỬ TƯỢNG BINH
ĐẾN
VOI GIÀY, NGỰA XÊ

Nguyễn Duy Chính



LỜI MỞ ĐẦU

Nguyên thủy, voi được nuôi như một gia súc, dùng trong việc chuyên chở và di chuyển. Tùy từng vùng, con người đã thuần hoá được nhiều loài vật để điều khiển và khi có chiến tranh đã sử dụng chúng như một loại vũ khí. Chúng ta có thể kể một số động vật được dùng trực hay gián tiếp như chó, ngựa, voi, chim ... trong công tác vận tải, cưỡi, canh phòng, báo động và xung kích. Có thể nói trong khi ngựa là phương tiện di chuyển mang ưu thắng cho những dân tộc vùng sa mạc thì voi lại còn đa dụng hơn đối với những quốc gia Nam Á. Voi không những được dùng trong những công tác nặng nề như xây cất, vận tải, chuyên chở mà còn được sử dụng mỗi khi cần di chuyển thần tốc trong rừng sâu. Với số lượng phong phú và dễ dàng



săn bắt tại rừng già, voi đã hiện diện trong lịch sử các quốc gia Đông Nam Á từ lâu. Những điều tượng và tài liệu còn tồn tại tại các đền đài cho thấy tượng binh được sử dụng rất phổ biến. Vùng núi rừng Tây Nguyên đã nổi tiếng vì lắm voi nên Ai Lao đã một thời mang tên nước là Vạn Tượng.

Cho tới ngày nay, công tác huấn luyện voi để thành một loại gia súc vẫn còn khá phổ biến từ Ấn Độ đến vùng Đông Nam Á. Muốn thuần hóa một con voi, người ta mất vài ba năm với những phương pháp ráo riết và công phu đòi hỏi một trình tự gặt gao và nguy hiểm nên việc xây dựng một đội tượng binh cần nhiều thời gian và những người chuyên môn.¹ Riêng trong bài này chúng tôi nhấn mạnh vào vai trò của con voi trong công tác chiến đấu, trước khi nhắc đến việc dùng nó để giày xéo tội nhân.

CON VOI TRONG VĂN MINH NAM Á

Nghiên cứu về văn minh Nam Á ai ai cũng thấy voi đóng một vai trò khá quan trọng trong đời sống và tôn giáo. Voi hiện diện trong nghệ thuật, thương mại và cả chính trị nữa. Không như voi Phi Châu hung dữ và khó thuần hóa (domesticated), voi Á Châu hiền lành và thân thiện hơn, lại rất trung thành với chủ. Trong những di chỉ có hàng ngàn năm trước T.L. đã thấy những hình tượng về voi. Nhiều quốc gia có tục lệ thờ voi trắng như một biểu tượng linh thiêng và dấu hiệu của phú cường. Ở nước ta thì trang trí trên các dụng cụ đời Đông Sơn đã thấy có hình voi nhưng có lẽ thời kỳ đó voi chỉ mới là một dã thú mà cổ nhân trông thấy nên ghi lại chứ chưa được thuần hóa để thành một sinh vật gắn gũi với đời sống con người.²

Đặc biệt nhất, các dân tộc Đông Nam Á tin rằng nếu bắt được voi trắng (thực ra không phải voi trắng mà chỉ là màu nhạt hơn, loang lổ – pale reddish-brown color) thì coi như dấu hiệu của một thời kỳ thanh bình, thịnh trị. Voi trắng có lông trắng trên lưng, mắt màu vàng nhạt và cũng hiền hơn voi thường. Theo truyền thuyết, Phật Thích Ca khi nhập vào trong bụng mẫu hậu Sirimahamaya qua hình dáng một con bạch tượng. Người Thái Lan gọi voi trắng là Chang Pheuak nghĩa là voi bạch tạng (albino elephant). Voi trắng chỉ để tượng trưng vì không dùng vào việc gì cả mặc dầu đôi khi vua chúa cũng cưỡi để chứng tỏ uy quyền hoàng gia. Đã có nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu giữa Xiêm La và Miến Điện chỉ vì tranh giành voi trắng.

Phật giáo cũng có nhiều liên hệ đến voi. Phổ Hiền bồ tát (Samantabhadra) cưỡi voi trắng sáu ngà tượng trưng cho trí huệ chiến thắng sáu giác quan. Người Ấn Độ còn nhân cách hóa con voi trong hình ảnh một vị thần đầu voi mình người (Ganesha) tượng trưng cho may mắn, không ngoan, kiên nhẫn được thờ như một kiểu Thần Tài nơi các tiệm buôn và ngân hàng. Voi cũng tượng trưng cho sức mạnh và uy quyền của vương triều (symbol of royal power and domination). Thần Siva, chủ tể của vũ trụ và thiện tính đối nghịch với sự ác cũng là hình tượng của voi.³ Chúng ta có thể tìm thấy hình voi trên khắp các đền đài và tranh ảnh ở Nam Á, linh thiêng cũng có mà trang trí cũng có. Tuy nhiên trong quân sự voi lại có một vai trò đặc biệt hơn và cũng đóng góp rất nhiều vào những biến chuyển chính trị thời Trung Cổ. Tính chất thiêng liêng của con vật to lớn này đã trở thành một thứ tín ngưỡng của các dân tộc Đông Nam Á và nhiều lễ nghi, cúng tế còn tồn tại dưới triều Nguyễn do chính triều đình chủ trương và đài thọ.⁴

Mặc dầu nhiều vua chúa và danh tướng Âu Á đã dùng voi trong chiến trận, nhưng voi không phải là một binh lực thường xuyên và chủ yếu như những quốc gia trong vùng Nam và Đông Nam Á. Voi vừa có uy thế vì thân hình to lớn của con vật, lại hữu hiệu trong việc điều khiển biến chúng thành những chiến xa uy hiếp kỵ binh. Nhiều thời đại voi còn được trang bị giáp trụ và điều động theo đội hình. Các quốc gia khác trong vùng Đông Nam Á cũng thường huấn luyện voi để chiến đấu và biểu diễn. Nhiều phái đoàn thương nhân Âu Châu đã từng được chứng kiến những cuộc tranh tài giữa voi và hổ ở Xiêm La, Java, và Việt Nam. Những đoàn voi hàng trăm con của nhiều vương quốc đã làm kinh ngạc nhiều sứ thần các nước.⁵

Nhiều chiến công dựa trên tượng binh, điển hình là hai vị vua nổi tiếng của Xiêm La là Ram Kamheng và Naresuen đã dùng voi tạo chiến thắng vẻ vang trong nhiều trận đánh.⁶ Đối với một số quốc gia, chiến đấu trên đầu voi là một hành vi anh dũng và quý phái (the most noble form of single combat). Theo sử Xiêm La, sau khi vua Intr'araja (1408-1424) băng hà, hai người con trai lớn đã thách đấu bằng cách cưỡi voi xông vào nhau và cả hai cùng chết.⁷

TƯỢNG BINH

Tổ chức và huấn luyện

Voi dùng trong chiến đấu cũng khác hẳn những con voi được thuần hoá để dùng trong các đoàn lưu diễn hay trong lễ lạc và cũng không giống như một gia súc mà nhiều dân tộc dùng trong công việc hàng ngày. Nhiều khi người ta chỉ cần so sánh đội tượng binh của một quốc gia cũng đủ đánh giá sức mạnh quân sự của nước ấy và đoàn voi trận thường được dùng như một cách phô trương trong các buổi tiếp sứ thần nước ngoài. Những con voi trận có khi còn được mặc giáp bằng da hay kim loại và theo Maurice Collis, một người chuyên môn huấn luyện voi, thì “... đây là những con vật được đào tạo để theo lệnh lạc một cách hung dữ, sử dụng như một mũi xung kích trong chiến đấu và cũng là một sát thủ giết người bằng cách tung lên, dầy đập, xé nát (đối phương) hồn nhiên như trẻ thơ”⁸. Voi trận được tuyển lựa kỹ càng trong các voi đực, ngà dài, to lớn, khoẻ mạnh và trải qua một chương trình huấn luyện chặt chẽ.⁹



Quan trọng nhất là làm sao cho voi không bị kinh hoàng khi nghe tiếng súng. Người ta thường dùng voi cái để dụ voi đực hay để gây giống với voi rừng ngõ hầu có voi con để đào tạo thành voi chiến.

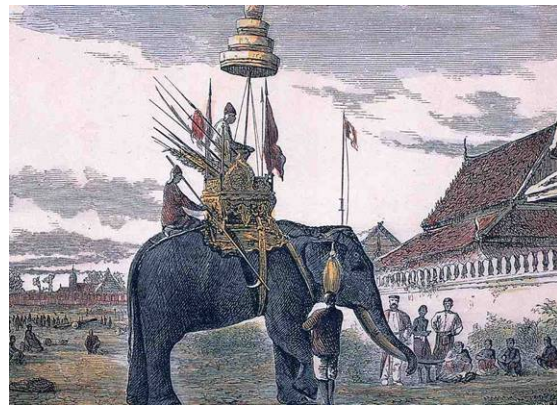
Chúng ta không biết quân Tây Sơn điều động tượng binh như thế nào nhưng tài liệu của Xiêm La có nói về phương thức của họ. Khác với hình ảnh chúng ta thường hình dung, tướng ra trận không ngồi trên bành voi uy nghi như khi diễu hành mà cưỡi trên cổ voi, mang theo một thanh đao dài có móc, vừa để chiến đấu vừa để điều khiển con vật. Chỉ có ở vị trí đó, viên tướng mới dễ dàng kiểm soát được đội hình của bên mình. Khi cần ra lệnh cho quân lính tiến thoái, người chỉ huy nói hoặc ra dấu cho một kỳ hiệu viên (signaller) ngồi ở trên bành voi (howdah) phía sau, người đó sẽ truyền đạt hiệu lệnh của chủ tướng bằng cách vẫy hai chiếc lông công theo những qui định trước. Bành voi có che những lọng tròn (circular canopies) gọi là chatras – nhiều hay ít tầng tùy theo cấp bậc của chủ tướng. Ngồi sau bành voi gần đuôi voi là người cầm lái (steerer), xua voi đi bằng một cây gậy dài. Khi đã có hoả khí, người cầm lái thường được trang bị thêm một khẩu súng điều thương đeo sau lưng và một thanh kiếm để tự vệ.¹⁰

Vào thế kỷ 18, voi được dùng để làm vật cưỡi cho tướng lãnh thêm uy nghi hay dùng để chuyển chở súng lớn nhưng khi xung trận thì chỉ bắn được súng loại nhỏ như jingalls¹¹ hay hoả mai. Năm 1764, Miến Điện đã đem tới 5000 con voi, trên lưng đặt súng để tấn công vào Ayutthaya (sau thành Xiêm La) nhưng không thành công.¹² Về phía quân Xiêm trong một đoàn quân mang cả hàng ngàn con voi cũng không phải là chuyện hiếm.¹³ Sử sách chép về những cuộc chiến giữa các dân tộc vùng Đông Nam Á dường như trận đánh nào cũng có voi, sử dụng như một phương tiện di chuyển và chuyên chở cũng có mà để tấn công cũng có. Tuy nhiên, voi chỉ có thể được huấn

luyện vào những mục đích nhất định, không thể vừa để chuyên chở, vừa để chiến đấu như nhiều người lầm tưởng.

Vào thời cổ, trên lưng mỗi con voi trận thường có một đội quân nhỏ dùng các loại vũ khí tầm xa như cung nỏ, lao (javelin), giáo dài để mở rộng tầm sát hại. Người nài voi (hay quản tượng, mahout) dùng móc sắt đánh vào một vết thương ở đầu voi để kích thích cho chúng nổi điên lên khi cần xung phong.¹⁴ Voi có thể hiểu được tiếng người và ít khi người nài phải dùng đến biện pháp mạnh.

Vào thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, voi được dùng để chở một hay hai khẩu đại bác hay như một pháo đài (gun-platform) di động, do hai hay ba xạ thủ điều khiển súng nhỏ. Archibald Ross Cohquhoun trong *The Truth About Tonkin* xuất bản năm 1884 đã viết rằng quân lính “không bao giờ bắn trên đầu voi mà phải quay đuôi về phía địch trước khi viên đạn nổ ra phía sau” (never fired over the animal’s head, its tails being turned to the enemy before the piece was discharged from its back)¹⁵.



Mỗi con voi thường phải kèm theo khoảng hai mươi quân sĩ, ngoài bốn người ngồi trên lưng còn thêm bốn người canh mỗi chân để hộ vệ (tổng cộng 16 binh sĩ vây quanh voi). Voi cũng còn được dùng để tấn công, dùng ngà để đâm, vòi để quăng và chân để giày đạp. Theo D. von Strautz trong *The Annamese Army in 1885* và *The Siamese Army in 1885 (Journal of the United*

Services Institution of India XVI, 1885) thì chủ yếu voi được dùng để húc vào cửa thành và một khi đã phá được rồi thì rất hung hãn, “điên cuồng rượt theo quân trú đóng, dùng vòi cuốn lấy địch tung lên không, rồi khi rơi xuống đất thì đạp cho chết”¹⁶

Đội hình tượng binh nguyên thủy xuất phát từ Ấn Độ, được áp dụng tại nhiều quốc gia khác, miêu tả trong tác phẩm *Hindu Manners, Customs, and Ceremonies* của Abbe J.A. Dubois viết hồi đầu thế kỷ 19 như sau:

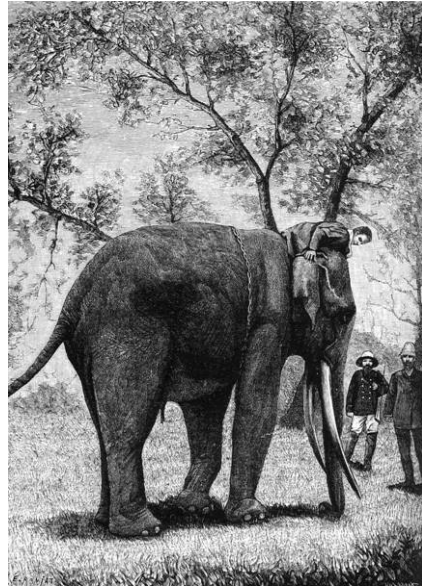
Hàng đầu tiên trong đội hình tấn công là voi. Những con vật đó mang bành (castle hay howdahs) trên lưng, trong đó chứa vài chiến sĩ cầm lao (javelins) dài. Nhưng chúng ta không nên tưởng lầm rằng những cái bành này to lớn như một số bức họa đã tưởng tượng. Giống như ngày nay vẫn còn thấy trong quân đội của một số tiểu vương Á Đông, những cái bành hay howdahs này giống như một cái hộp không có nắp dài và to bằng cái giường, đặt ngang trên lưng, chứa nổi sáu, bảy cung thủ nếu ngồi theo kiểu Á châu (ngồi xổm). Mặc dầu con voi rất khỏe, có thể mang được hai khẩu thần công và các pháo thủ nhưng dẫu sao nó cũng có

*giới hạn và nếu chất lên lưng nó một số đông người thì quả là một gánh nặng và đến voi cũng không chịu nổi.*¹⁷

Nhược điểm của tượng binh

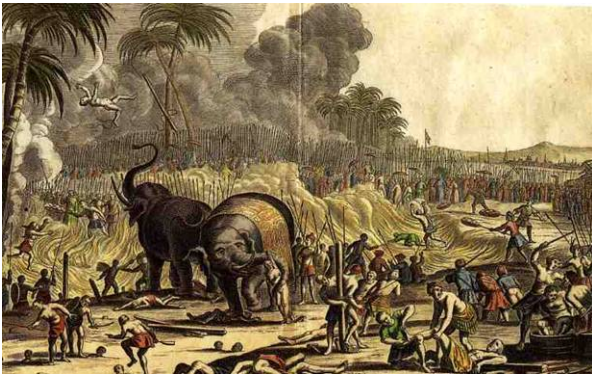
Mặc dầu voi đóng một vai trò khá quan trọng trong tổ chức binh bị của các quốc gia Đông Nam Á, vừa như một chiến xa xung kích lại như một pháo đài di động và quân xa vận tải, nhưng không phải không có những nhược điểm. Ian Heath liệt kê một số vấn đề mà người chỉ huy phải quan tâm:¹⁸

- Thứ nhất, voi di chuyển tương đối chậm, tốc độ đường núi khoảng 1.5 đến 2 dặm (2.4 – 3.2 km), đường bằng phẳng có thể lên đến 3 dặm (5 km) một giờ. Voi nếu chở một lượng trung bình thì di chuyển trong khoảng 18 – 25 dặm (29 – 40 km) một ngày là tối đa. Tuy nhiên, với khoảng cách đó voi sẽ không đi được lâu ngày vì đau chân và vì thế voi trện nếu cần di chuyển đường trường thì không thể đi nhiều hơn 10 – 12 dặm (16 – 19 km) một ngày. Voi tuy khoẻ nhưng cũng chỉ chở được khoảng từ 300 đến 400 lbs (135-180kg) và phải xếp làm sao cho thật cân thì mới đi được xa. Nếu đi liên tục trong nửa tháng, voi phải được nghỉ 1, 2 ngày mới lại sức.
- Thứ hai, voi phải được ăn uống đầy đủ. Chiến tranh thường vào mùa khô nên hay thiếu cỏ, thiếu lá cho con vật. Một con voi cần khoảng 120 đến 150 kg thức ăn mỗi ngày chủ yếu là cỏ, lá, rễ cây Voi không chịu được đói khát, dễ bị kiệt sức nếu bị ép làm việc nhiều và mỗi ngày phải có ít nhất vài giờ thong dong để tìm thức ăn. Voi phải sống gần nơi có nước và vì da có lỗ chân lông và tuyến mồ hôi nên uống rất nhiều. Voi cũng phải tắm hàng ngày vào buổi sáng.
- Thứ ba, voi rất nhạy cảm, sợ tiếng động nên voi trện phải tập luyện để làm quen với súng ống mặc dầu không ai dám bảo đảm là voi sẽ tuyệt đối tuân lệnh khi lâm trận. Vai trò của nài voi (quản tượng) rất quan trọng vì voi chỉ tuân theo lệnh của y và nếu nài bị thương hay chết thì rất khó điều khiển.¹⁹ Việc để trên lưng voi một khối lượng lớn cũng rất bất ổn khi di chuyển trên những con đường gập ghềnh. Một khi voi nổi điên thì sẽ trở thành một tai hoạ, làm cho ngựa sợ hãi và có khi quay lại giày xéo chính quân mình.



- Thứ tư, da voi tuy dày nhưng lại rất sợ các loài sâu bọ, ruồi muỗi, bị thương cũng khó chữa vì sần sùi. Chân voi không thể đóng móng như móng ngựa và chỉ là một lớp da mềm, dễ bị gai góc làm cho bị thương. Voi không thích những con vật khác như ngựa, lừa đến gần (nhất là từ phía sau) nên người ta thường không điều động kỵ binh và tượng binh trên cùng một đợt tiến quân. Theo kinh nghiệm của người Hoà Lan thì voi và ngựa rất kỵ nhau. Ngoài ra voi lại sợ tiếng lợn (heo) kêu và thường hoảng sợ khi nghe lợn eng éc nên có nơi đã dùng lợn để chống với voi.

Voi trong lịch sử nước ta

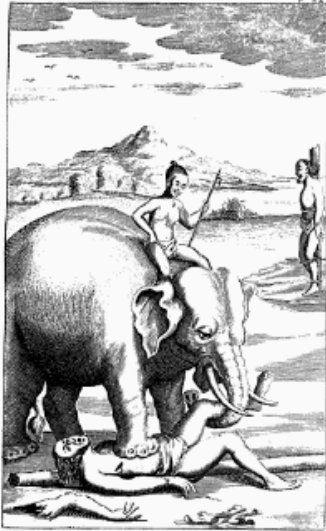


Một trong những binh đội quan trọng nhất của Đàng Trong là tượng binh. Theo sử sách voi đã được nhắc đến khi ra trận ngay từ những thế kỷ đầu tiên của Công Nguyên. Hai Bà Trưng, Bà Triệu đều cưỡi voi đánh giặc. Thực hư những chuyện đó ra sao không ai rõ nhưng trong truyền thuyết của dân ta không ai không biết, nghe đến câu “*Đầu Voi Phất Ngọn Cờ Vàng*” thì ai

cũng hiểu là nhắc đến nữ tướng Triệu Thị Trinh. Đời Trần, đời Lê nước ta cũng hay dùng voi trong chiến trận tuy không qui mô như các quốc gia khác.

Cũng như con ngựa của người dân du mục ở sa mạc, con lạc đà của vùng Trung Đông, khu vực Nam Á coi voi như phương tiện chính. Nếu biết rằng trong khi nhiều dân tộc khác đã sử dụng voi như một loại chiến xa từ lâu thì người Việt chúng ta hầu như chưa đạt tới trình độ đó. Tuy nhắc đến voi trong trận mạc nhưng phần lớn chỉ coi đó như một “*con ngựa lớn*” để chủ tướng cưỡi cho thêm uy nghi và có được một vị thế cao để chỉ huy chứ không nghe nói chúng ta sử dụng tượng binh để đánh những trận lớn, ngoại trừ một lần duy nhất là nhà Trần dùng voi ngăn quân Nguyên từ Vân Nam tiến xuống nhưng lại không thành công.²⁰

Điều đó khiến chúng ta nghi rằng người Việt không đi xa hơn việc luyện voi để cưỡi và chưa biết sử dụng voi thành một đạo quân với những công năng riêng biệt như các dân tộc khác. Chỉ đến khi nước ta có những giao lưu văn hoá sâu xa hơn, lãnh thổ nước ta bành trướng đến vùng Bình Định, Phú Yên (đời Lê) thì việc dùng voi mới trở nên thông dụng. Tuy vậy người Việt không biết cách huấn luyện nên các vua chúa thường phải mua của lân bang hay đòi các thuộc quốc tiến cống. Có lẽ vì thế mà khi nhà Tây Sơn dùng voi để tấn công, quân nhà Nguyễn, nhà Trịnh cho chí quân Thanh vì chưa bao giờ gặp nên hoảng hốt và tan rã rất nhanh.²¹ Giáo sĩ Cristophoro Borri đã viết như sau:



An Execution by an Elephant.

Có rất nhiều voi trong xứ Đàng Trong, nhưng họ không dùng được vì chưa biết cách bắt và huấn luyện. Vì thế phải đưa những con đã thuần thục và biết khuôn phép từ Campuchia là một nước láng giềng. Voi ở đây lớn gấp hai voi ở Ấn độ. Chân và vết chân nó để lại đo chừng một piê rưỡi đường kính. Răng thò ra từ miệng gọi là ngà voi thì thường dài tới mười bốn piê, đó là voi đực. Còn voi cái thì ngắn hơn nhiều. Vì thế người ta dễ nhận thấy voi ở xứ Đàng Trong to lớn hơn những voi người ta vẫn dẫn đi diễu ở Âu châu: ngà chưa được hai piê rưỡi.²²

Vào thế kỷ 17, 18 khu vực rừng núi bao gồm miền bắc Campuchia, Nam Lào và miền trung nước ta còn nhiều loại voi lớn không như giống voi cỏ là loại voi nhỏ hiện nay ta thường thấy.²³ Chính đó là những con voi được huấn luyện

dùng trong tượng binh mà người ta miêu tả là mang cả đại bác.

Khi có chiến tranh và trận mạc thì người ta nhấc mui (trên) bành đi để thành một thứ chòi chở lính giao chiến với nổ, với súng và có khi với khẩu đại bác: voi không thiếu sức để mang nổi và là con vật rất khỏe, nếu không có gì khác. Chính tôi (tức giáo sĩ Borri) đã thấy một con dùng vòi chuyên chở những vật rất nặng, một con khác chuyển một khẩu súng lớn và một con nữa một mình kéo tới mười chiếc thuyền, chiếc nọ theo sau chiếc kia, giữa đôi ngà một cách rất khéo và đưa xuống biển ...²⁴

Tượng binh thời Tây Sơn

Theo nghiên cứu của Vũ Minh Giang thì Nguyễn Nhạc có một người vợ lẽ gốc Bahnar, rất giỏi về huấn luyện và thuần hóa voi rừng.²⁵ Chính vua Minh Mệnh cũng phải công nhận rằng chiến thắng của nhà Tây Sơn chính là nhờ ở tượng binh.

... Voi vùng Cam Lộ rất dễ dạy và thông minh, hơn hẳn voi của người Cao Miên và người Xiêm. Tuy nhiên, trong công tác tiêu trừ giặc cỏ, chúng ta nên dùng giống voi nhỏ. Ngụy Tây Sơn đã dùng voi một cách qui mô trong các trận đánh với quân Bắc. Ngựa Bắc sợ voi, khi gặp voi đều phục xuống. Chính thế mà họ mới thua.²⁶

Tôn Sĩ Nghị²⁷ cũng biết tiếng voi trận của Nguyễn Huệ nên khi đưa ra 8 điều quân luật, y đã học theo phép đánh của người xưa để chống lại tượng binh:

... Điều thứ 4: Người Nam khi ra trận hay dùng voi. Voi không phải là món người Thanh quen thạo, hễ gặp voi thường cứ chạy đi trước. Nhưng nào có biết

*súc voi dẫu lớn, chung qui vẫn là con vật có huyết khí, không thể đương nổi với đồ dẫn hỏa của ta. Vậy hễ thấy voi ra trận nếu xa thì bắn bằng súng, nếu gần thì trị bằng dao và cung khiến voi bị thương, đau phải chạy quay lại, rồi tự giày đạp lẫn nhau. Quân ta (Thanh) thừa cơ ấy mà tấn công, tất thắng không còn phải ngờ nữa.*²⁸

Chiến dịch năm Kỷ Dậu

Theo tài liệu của Trung Hoa thì ngày mồng 2 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), giờ Mão (khoảng 6-8 giờ sáng), Lê Chiêu Thống chạy đến báo cho Tôn Sĩ Nghị rằng quân thám thính cho hay Nguyễn Huệ đã đem quân vượt sông kéo đến rồi, lại phao lên rằng vì mẹ con họ Lê cầu cứu quân Thanh khiến cho đại binh tiến sang giết mất mấy nghìn binh sĩ của họ, nên quân Tây Sơn nhất quyết báo thù. Tôn Sĩ Nghị thấy tình hình nguy cấp vội sai tổng binh Trương Triều Long tuyển 3000 quân tinh nhuệ chia ra đóng ở Hà Hồi, Ngọc Hồi cự địch. Thế nhưng Nguyễn Huệ quân đông thế mạnh nên họ Tôn lại phải sai Hứa Thế Hanh dẫn 1500 binh, còn y đích thân dẫn 1200 binh đi theo tiếp ứng.²⁹

Theo sử nước ta, ngày mồng 3 tháng giêng năm Kỷ Dậu, ngay từ tờ mờ sáng quân ta đã kéo đến, đốt sạch quân lương của địch. Vua Quang Trung đích thân chỉ huy, buộc khăn vàng vào cổ để tỏ cho quân sĩ biết phải liều chết chứ nhất định không chịu lùi. Suốt ngày mồng 3 tháng giêng, Trương Triều Long mấy lần đẩy lui được đạo tiền đội của Nguyễn Huệ nhưng đến tối hôm đó thì quân Nam lại tấn công. Cũng theo tài liệu của nhà Thanh, sang ngày mồng bốn, quân Tây Sơn kéo đến như đàn ong, vây kín chung quanh doanh trại của Trương Triều Long. Trương Triều Long và phó tướng là Dương Hưng Long hết sức chống giữ, chiến đấu liên tục một ngày một đêm, sau cùng phá được vòng vây bỏ chạy, quân ta lập tức đuổi theo.

Sáng sớm ngày mồng năm tháng giêng, vua Quang Trung xua quân tiến lên, cho hơn một trăm con voi đi đầu³⁰, các cánh quân khác ùn ùn từ các nơi đổ xuống. Nguyễn Nguyên viết là “*giặc đều chở đại bác bằng voi mà xông vào trận*”³¹. Hứa Thế Hanh hết sức chống giữ và cho kỵ binh lên chặn quân ta. Kỵ binh nhà Thanh tuy nổi tiếng là tinh nhuệ nhưng vẫn còn trang bị cung tên, gươm giáo (súng chỉ bộ binh mới có vì chưa tiện cho việc nạp đạn, không tiện lợi bằng cung nỏ) và tập trung hỏa lực ngăn chặn quân Nam.³²

Ngựa của quân Thanh thấy voi sợ hãi quay ngược trở lại nên thế trận tán loạn, giày xéo lên nhau, Hứa Thế Hanh phải lui vào giữ đồn rồi truyền cho bộ binh bắn ra. Quân ta tiến lên mấy lần nhưng không vượt qua được hào sâu, địa lôi và chông sắt của địch. Theo tài liệu của Hội Truyền Giáo Bắc Hà, quân Thanh chống trả rất kịch liệt khiến quân ta bị chết mất khá nhiều voi, Nguyễn Huệ phải bỏ voi cưỡi ngựa, xông lên đầu chỉ huy sĩ tốt.³³

Ông ra lệnh cho quân lấy ván ghép lại bên ngoài bọc rơm ướt để làm mộc chống với tên lửa che cho đại quân theo sau.³⁴ Tuy nhiên việc dùng gỗ làm mộc chống đạn xem ra không cụ thể. Theo tài liệu của Trung Hoa thì “*Nguyễn Huệ ra lệnh cho quân lính dùng rơm rạ kết lại thành từng bó lớn, lăn xả vào rồi quân lính núp ở sau tiến lên*”.³⁵ Quân Thanh đốt thuốc súng mù mịt để cho quân ta không thấy đường nhưng một lát sau gió đổi chiều, quân Nam liền nhất loạt xông lên, cuối cùng cũng vào được trong đồn.³⁶

Như thế, dường như việc tấn công trực tiếp bằng voi chiến không thành công nên Nguyễn Huệ đã chuyển sang phương thức thứ hai cũng rất quen thuộc của vùng Đông Nam Á. Đó là dùng chiến thuật “*biển người*”, lấy số đông để tràn ngập kèm theo các loại chất nổ, hoả dược để tấn công. Phương thức này rất phổ biến khi đánh thành mà địch thủ dùng súng ống cố thủ. Sau khi thành vỡ, quân ta tràn vào, xua voi lên giày xéo địch, bộ binh tiến theo đánh sập lá cà bằng các loại gươm giáo, đao kiếm.

Khí thế dũng mãnh đó khiến quân Thanh hoảng hốt nên bị quân ta tàn sát, chết và bị thương đến quá nửa. Hứa Thế Hanh thấy không cự nổi, đành gọi gia nhân đem ấn tín đề đốc ra³⁷ đủ biết tình hình bi đát đến chừng nào. Càng lúc quân ta càng kéo đến đông hơn, hàng hàng lớp lớp. Trong hai ngày huyết chiến, những đại tướng của nhà Thanh như như Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng ... đều tử trận. Đây là trận đánh kinh hoàng nhất và quân Nam cũng bị thiệt hại nhiều tuy sử sách không ghi chép rõ rệt.³⁸

Theo lời khai và tấu chương của Tôn Sĩ Nghị thì họ Tôn thấy tình hình nguy cấp, quân Nam đã vây bốn bề nên ra lệnh cho tướng sĩ phải tử chiến một trận để báo hoàng ân, bọn Hứa Thế Hanh đáp lời xông lên trước, sau khi bắn hết đạn rồi dùng đoản binh (tức dùng gươm giáo) đánh cận chiến, khiến cho “*quân của Nguyễn Văn Huệ chết chất thành đống đâu phải chỉ vài ngàn mà thôi*”³⁹. Lẽ dĩ nhiên đây chỉ là lời lẽ khoa trương, thực ra quân Thanh hoảng loạn chỉ lo tìm đường chạy trốn.

Theo lời cung khai của biện viên⁴⁰ Lao Hiển (勞顯), một tù binh bị ta bắt được sau trả về cho nhà Thanh thì:

Y theo Thượng tổng binh (tức Thượng Duy Thăng) và tham tướng Vương Tuyên đem quân đóng ở đường nhỏ phía nam Lê Thành (tức Thăng Long). Ngày mồng bốn tháng giêng, quân giặc kéo đến, Lao Hiển đi theo tham tướng đem quân tiếp ứng, đến sáng sớm ngày mồng năm, mấy nghìn quân giặc vây kín doanh trại mà binh còn trong trại không bao nhiêu, Lao Hiển ra lệnh cho lính dùng súng bắn ra (nguyên văn thương pháo 鎗礮), đến trưa thì quân địch càng lúc càng đông, voi cũng đã đến, bắn hỏa tiễn, hỏa cầu như mưa khiến quan quân tán loạn.

Sức thấy không giữ nổi nên Lao Hiển vội đem quân phá vòng vây chạy ra khỏi doanh, bị quân giặc dùng giáo đâm vào bụng ngựa, ngã vật xuống, chân bên

phải lại trúng thương, không chạy được nữa, nên bị quân giặc bắt đưa vào một căn nhà trống trong thành... Mỗi ngày họ có cho người đem cơm đến, đến ngày 16 tháng 2 (tức bị giam 40 ngày), quân giặc cho ngựa, cùng tất cả các binh sĩ (cùng bị giam) được thả ra. Y nói chưa từng trông thấy Nguyễn Huệ, chỉ nghe nói Thượng tướng binh, Vương tham tướng bị quân giặc vây đã chết rồi nhưng Lao Hiễn không chính mắt trông thấy chuyện đó.⁴¹

Khi nghiên cứu về trận đánh này không sử gia nào so sánh với lối đánh của những quốc gia khác ở vùng Đông Nam Á. Đối chiếu với những tài liệu rải rác, chúng ta thấy đây là một thế trận khá quen thuộc của những quốc gia dùng voi để tấn công vào một vị trí đóng quân cố định của địch. Súng đại bác loại nhỏ được chở trên lưng voi đi đầu để uy hiếp, kế đó là bộ binh, sau cùng là bộ phận chỉ huy thường đi bằng ngựa hay xe. Tùy theo khả năng kỹ thuật, thế trận có thể thay đổi phần nào nhưng rõ ràng sức mạnh của tượng binh, đại pháo và súng tay là lực lượng chủ yếu để phá vỡ phòng tuyến của địch, thường là hàng rào đất hay tre, bên ngoài có cắm chông, hào nước và địa lôi.

Đặc biệt hơn cả, trong trận Kỷ Dậu, các toán quân Thanh – phần vì bị cô lập thành từng đơn vị rời rạc, phần thì không quen địa thế nên không dám chủ động tấn công trước – chỉ cố gắng giữ đồn và sử dụng hỏa lực tối đa để tự vệ. Những toán quân đó một khi núng thế, thiếu đạn dược đều bị tràn ngập và bị quân Tây Sơn tiêu diệt. Chúng ta cũng không thể bỏ qua một sự thật, quân Nam sau những thắng lợi này cũng bị thiệt hại nặng nề nhưng bên ta có một lực lượng bổ sung dồi dào mà quân địch không thể so sánh được.

Quân Nam không dừng lại mà lập tức tập trung để tiến lên đánh vào Khương Thượng, ngoại thành Thăng Long. Đồn này do Sầm Nghi Đống và toán quân Nùng (?)⁴², rất thiện chiến trấn giữ. Họ Sầm là một họ rất có thế lực làm chúa một phương, trị binh rất nghiêm. Sầm Nghi Đống được phong chức Thái Thú Điền Châu (ở phía tây tỉnh Quảng Tây, nằm giữa Trấn An và Tư Ân, giáp giới Vân Nam) chỉ huy độ 1,000 binh chống giữ đến người cuối cùng mới tự tử, bao nhiêu binh Nùng bị quân ta giết sạch.⁴³

Dưới thời Cảnh Thịnh tượng binh trở nên kém thế một phần vì kỹ thuật đã tiến bộ, voi không chống lại được hỏa khí mới của Tây phương. Sang triều Nguyễn, chỉ các loại voi lớn mới được giữ tại kinh thành còn các loại voi nhỏ để ở các tỉnh.⁴⁴ Chính vì thế, một số thương nhân và phái đoàn ngoại quốc đã không nhìn thấy sự hùng tráng của tượng binh khi đến Saigon. Giáo sĩ de la Bissachère nhận xét về tượng binh đầu thời Nguyễn (1812) như sau:

... ngày nay voi trong quân đội chỉ còn được dùng để chở đồ đạc và dụng cụ chiến đấu mà ít còn được dùng trong trận mạc ... Nhưng chính tượng binh lại là yếu tố quyết định thắng lợi. Những con vật này xông vào quân (địch) và đánh tan một cách hung hãn, chỉ quét vôi một cái là cả đoàn quân bạt vía. Chống trả hay

*đánh lại chúng không khiến voi chùn bước mà chỉ làm con vật điên cuồng hơn. Giáo không đâm thủng được da và đạn không giết được chúng ngoại trừ bắn trúng giữa trán ngay trên hai mắt. Những con vật can đảm xung trận thường được ưu đãi, ban tước hiệu, trọng vọng và trang sức, thường là ngà được bịt vàng...*⁴⁵

VOI GIÀY NGỰA XÉ

Giết người có tội để trả thù hay trừng phạt không phải là mới mẻ mà đã xuất hiện trước cả thời con người chép sử, rất phổ biến trong mọi xã hội, chỉ khác nhau về hình thức. Hành hình tội nhân có rất nhiều cách mà Trung Hoa thì lại càng đa dạng, mỗi triều đại lại sáng tạo những cách riêng. Đời Hạ có hình phạt gọi là lục (giết rồi phanh thây), đời Thương có bào lạc (đốt nướng), hải bô (cắt rời phổi), phẫu tâm (moi tim) ... Tội nhân không chưa đủ, cả họ cũng bị giết (tộc tru). Đời Tần lại càng nhiều kiểu ghê rợn hơn, vừa hung ác, vừa dã man trong đó hai loại về sau vẫn còn là *yêu trảm* (chém ngang lưng), và *tru di tam tộc* (giết cả ba họ - họ mình, họ vợ, họ mẹ).⁴⁶

Dưới triều Nguyễn, hai hình phạt vẫn được coi là khủng khiếp nhất là tội voi giày và lăng trì (tùng xẻo). Tội voi giày được áp dụng từ bao giờ không thấy ghi rõ trong sử sách. Lê Triều Hình Luật, tội tử hình có ba bậc gồm thắt cổ hay chém, chém bêu đầu và lăng trì, không thấy những hình phạt như voi giày, ngựa xé.⁴⁷ Giết người bằng cách đánh một tiếng trống, cắt một miếng thịt cho tới khi chết (tùng xẻo) phát xuất từ Trung Hoa còn dùng voi đạp cho chết thì phát xuất từ Nam Á châu. Hình phạt voi giày xuất hiện khoảng 4000 năm trước tại Ấn Độ để trừng trị những ai phản nghịch hay bỏ chạy trong khi chiến đấu, và việc hành hình được tổ chức công khai cho công chúng coi để răn đe người khác. Luật Hồi giáo trước đây coi việc voi giày như một tiêu chuẩn để hành hình tội nhân.

Ở Trung Hoa, lăng trì có từ đời Ngũ Đại. Thời Nam Tống, lăng trì cùng với thắt cổ cho chết là hai hình pháp ghi trong luật tới cuối đời nhà Thanh vẫn còn. Vương Minh Đức, một pháp gia đời Thanh chép là:

*Lăng trì là hình pháp rút từng miếng thịt, cho đến khi toàn thân không còn chỗ da nào nguyên vẹn, sau đó đàn ông thì cắt dương vật, đàn bà cắt âm hộ, rồi mổ bụng lôi tạng phủ cho chết, cắt từng đốt, bầm từng khúc xương mới thôi.*⁴⁸

Tấm hình chúng tôi kèm theo tuy sách viết là lăng trì nhưng so ra không phải rút từng miếng thịt như những hình vẽ các ông cố đạo bị giết thời Minh Mệnh.⁴⁹ Đầu triều đại Gia Long, vụ hành hình vua tôi nhà Tây Sơn bị bắt đã được ghi lại khá nhiều trên giấy mực, trong chính sử cũng như từ các lời thuật lại của những người ngoại quốc được nghe và chứng kiến. Theo sử gia Bùi Quang Tung (Centre International d'Études Vietnamiennes) trong bài *Những Ngày Cuối Cùng của Vua Tôi Tây Sơn* (báo *Sáng, Xuân Canh Ngọ*, Cali 1990, tr. 34) thì nguyên văn trong *Đại Nam Thực Lục, Đệ Nhất Kỷ, Quyển XIX* chép về Thế Tổ Cao Hoàng Đế chép như sau:⁵⁰

十一月大告武成，癸酉祭天地神祇，甲戌獻俘于太廟，命宿直營都統制阮文謙，形部參知阮登侑壓引阮光瓚，及弟光維，光紹，光磐于外城陵遲處死，五象分屍。

首阮文岳，文惠骸骨倒碎拋棄。阮惠，瓚頭骨與夫妻木主幽之外徒家。其黨陳光耀，武文勇等各盡處治，標頭示眾，下詔布告中外。

Dịch âm

Thập nhất nguyệt đại cáo võ thành, Quý Dậu tế thiên địa thần kỳ, Giáp Tuất hiến phu vu Thái Miếu, mệnh túc trực doanh đô thống chế Nguyễn Văn Khiêm, hình bộ tham tri Nguyễn Đăng Hựu áp dẫn Nguyễn Quang Toàn, cập đệ Quang Duy, Quang Thiệu, Quang Bàn vu ngoại thành lăng trì xử tử, ngũ tượng phân thi.

Thủ Nguyễn Văn Nhạc, Văn Huệ hài cốt đảo toái, phao khí. Nguyễn Huệ, Toàn đầu cốt dữ phu thê mộc chủ u chi ngoại đô gia. Kỳ đảng Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng đảng các tân xử trị, tiêu đầu thị chúng, hạ chiếu bố cáo trung ngoại.

Dịch nghĩa

Tháng 11 đại cáo võ nghiệp đã thành, ngày Quý Dậu tế trời đất, thần thánh, ngày Giáp Tuất làm lễ hiến phu (trình diện những tù nhân) ở Thái Miếu, ra lệnh cho đô thống chế dinh Túc Trực là Nguyễn Văn Khiêm và tham tri bộ Hình là Nguyễn Đăng Hựu áp giải Nguyễn Quang Toàn cùng các em Nguyễn Quang Duy, Nguyễn Quang Thiệu, Nguyễn Quan Bàn ra lăng trì xử tử ở ngoài thành, năm voi xé xác.

Trước hết cho đào hài cốt Nguyễn Văn Nhạc, Văn Huệ nghiền ra vút đi. Đầu cùng bài vị vợ chồng Nguyễn Huệ, (Nguyễn Quang) Toàn thì đem vô giam trong ngục tối. Còn đồ đảng như Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng đều xử tử, bêu đầu thị chúng, (sau đó) hạ chiếu bố cáo trong ngoài.

Giáo sĩ Lemonnier de la Bissachère có ghi lại vụ hành hình nhà Tây Sơn như sau:

Sau khi được Trung quốc tấn phong, tân quốc vương trở về Đàng Trong. Vua cho lệnh đem theo về kinh Quang Toàn là vua Tây Sơn bị bắt và những tù binh có tiếng tăm. Các người ấy bị nhốt ở trong cũi, tay chân đều bị xiềng lại. Các cũi ấy thì sơn màu vàng hoặc sơn màu đỏ tùy theo chức tước hoặc danh tiếng của mỗi người. Tân quốc vương không khỏi để ý hâm mộ quan thiếu phó Trần Quang Diệu. Vua cho người dò ý ông để qui phục triều đình mới.

Ông ấy trả lời rằng tân quốc vương muốn định đoạt số phận của ông thế nào cũng được, chớ ông không thể thờ hai chúa. Ông ấy lại nói thêm rằng nếu tân quốc vương tha ông khỏi chết, cũng như trước kia ông đã tha cho quân sĩ nhà



Nguyễn khi thành Qui Nhơn thất thủ vậy, thì ông sẽ trở về quê nhà dệt tơ làm ruộng để sống như thường dân. Ông ấy lại nói tiếp rằng nếu vua có ái ngại để cho ông sống sót thì ông chịu tử hình để giữ danh giá của ông trong lúc chết cũng như trong lúc sống.

Vua Gia Long sau khi đến kinh đô (Huế) nghỉ ngơi được trên hai tháng mới lo đến sự hành hình của vua tôi Tây Sơn ...

Trước hết, vua cho lệnh đào mả tổ tiên vua Tây Sơn, đem thi hài của vợ chồng Quang Trung, vợ chồng Nguyễn Văn Nhạc và bà con thân thích của Tây Sơn chặt đầu cho có vị. Còn xương cốt của các thi hài ấy thì đem bỏ vào một cái giỏ để cho quân lính đi tiểu tiện trong đó; sau rồi đem tán ra như bột cho đựng trong một cái thùng. Những công chuyện này đều làm trước mặt Nguyễn Quang Toản để Toản kinh tâm táng đờm thêm.

Sau đó người ta dọn một mâm cơm tươm tất cho các bọn ấy ăn (bữa cơm ấy là bữa cơm thường lệ đãi những tội nhân trước khi bị hành hình) ... Sau khi ăn rồi, người ta lấy khăn bịt miệng lại, sợ rằng các người ấy trước khi bị hành hình chửi rửa tân quốc vương. Bốn tay chân của Quang Toản bị buộc vào bốn con voi để mà phân thân Quang Toản. Người ta thuật lại rằng khi một con voi xé đứt cái đuôi của Quang Toản thì người ta còn thấy Quang Toản quay đầu lại nhìn cái thùng xương cốt của cha mẹ mình. Sau đó kẻ hành hình dùng một cái đồ cắt mà bên Âu châu không thể tưởng tượng được, cắt chỗ nào còn dính lại từng miếng, chia ra làm năm đồng xương thịt.



Họ đem treo năm đồng xương thịt ấy ra năm chỗ, treo trên một trụ cao để ở năm chợ của kinh thành cho công chúng biết. Các đồng xương thịt treo như vậy được quân lính gác giữ, không ai được đem đi chôn, để như vậy cho đến khi thối ra hoặc bị quạ ăn.

Còn quan thiếu phó mà ai nấy đều mến phục, trước ngày hành hình làm đơn xin vua tha chết cho bà mẹ của ông già đã tám mươi tuổi. Vua bằng lòng tha cho bà mẹ của ông. Quan thiếu phó thì bị chặt đầu. Đứa con của ông là một cô gái đẹp để mới được mười lăm tuổi và vợ của ông là bà Bùi Thị Xuân bị cho voi xé hết. Khi cô con gái ấy thấy con voi lớn sấn đến mình để ném lên trời thì cô ta la lớn lên và quay đầu lại mẹ mà kêu cứu. Bà mẹ trả lời khẳng khái với con gái rằng: “Mẹ cứu mẹ không được huống chi là cứu đến con. Con nên chết theo cha mẹ còn hơn sống với bọn chúng nó ...”

Có nhiều khán giả muốn chạy trốn hoặc quay mặt chỗ khác khi họ thấy con voi bị nài hối thúc tung cô gái ấy lên trời hai lần, mỗi lần quăng lên thì thân thể cô

ấy rớt xuống bị ngà voi đâm thủng qua mình. Đến khi hành hình bà thiếu phó thì bà không sợ sệt chút nào hết. Bà đi sát đến con voi để chọc cho nó giận. Khi bà gần đến con voi thì người ta biểu bà quì xuống để cho coi voi dễ quán bà. Bà không nghe lời, cứ đi thẳng tới con voi. Người ta thuật lại rằng con voi ấy tuy bị nài hối thúc song không chịu tung bà lên trời, hình như nó nhớ rằng khi xưa bà là chủ của nó. Nó dần dà mới chịu phân thân bà. Trước khi bị hành hình, bà thiếu phó có nhờ người đem cho bà sắp vải lụa, bà lấy lụa ấy quấn chung quanh mình mấy vì bà sợ rằng sau khi hành hình thân thể bà bị trần truồng.

Những người hành hình bà, muốn hấp thụ được tánh can đảm của bà, bèn giữ lại để ăn trái tim, lá gan và phổi của bà. Còn hai cánh tay tròn trịa của bà thì họ cho quân sĩ trước kia có kịch chiến với bà tại lũy Trấn Ninh ăn thịt. Ở Đàng Ngoài, thịt người ăn sống uống với rượu, nhưng người ta chỉ ăn trong trường hợp nói trên đây.

Người ta thuật lại rằng những người bị hành hình ai nấy đều xanh mặt và run rẩy trừ ông bà thiếu phó và em Quang Toàn là không thay đổi sắc mặt.

Ngoài ra tổng đốc xứ Nghệ thì bị chặt ra từng miếng nhỏ. Còn bao nhiêu người khác thì bị chặt đầu và chặt ra từng khúc. Có vài thi hài được trả lại cho vợ con của họ vì vợ con của họ có đút lót tiền cho quan trên. Còn bao nhiêu thi hài khác đều chặt ra từng khúc, họ đem ra ngoài thành bỏ vào nơi đổ rác rến.

(chép theo Charles B. Maybon trong *La Relation sur le Tonkin et la Cochinchine de M. de la Bissachère, Paris 1807 tr. 116- 121*, bản dịch của Bùi Quang Tung trong cùng bài viết, tr. 35-36)

KẾT LUẬN

Sử sách của ta ít ai nghiên cứu về cách dùng voi trong chiến đấu. Thực ra tượng binh là một thành phần quan trọng gần như không thể thiếu trong quân đội vùng Nam Á. Trong các bức phù điêu của Chân Lạp đã miêu tả nhiều trận đánh với Champa trong đó có cả voi trận, còn những chiến dịch đẫm máu giữa người Xiêm La và người Miến Điện thì chiến tượng lại càng thông dụng.

Có lẽ vì người mình ít dùng voi để xung kích mà chỉ dùng để cưỡi nên những miêu tả về voi trận của đời Tây Sơn mơ hồ, thiếu chính xác. Đối chiếu với cách sử dụng voi trong chiến đấu, cách huấn luyện và điều động giúp chúng ta có cái nhìn chính xác hơn về chiến dịch đầu năm Kỷ Dậu. Ngoài đàn voi, Nguyễn Huệ cũng khai thác được ưu điểm của vũ khí, nhất là sử dụng một số lớn đại bác cỡ nhỏ, một loại súng tương đương như những loại súng phóng lựu đời nay để tấn công vào những đạo quân Thanh đóng tập trung nặng phần phòng thủ.

Nghiên cứu về ưu và khuyết điểm của hai đạo quân – ta và địch – giúp chúng ta giải thích được chiến thắng của vua Quang Trung một cách minh bạch hơn, loại trừ được những huyền thoại mà người đời thường thêm dệt.

Cũng chính đoàn voi đã từng được sử dụng để làm nên công nghiệp lấy lông của vua cha lại được dùng để tàn sát tướng lãnh và những người con của ông. Lãng trì và voi già là hình phạt cho những kẻ bị khép tội phản nghịch ở Đàng Trong và nhiều nước khác, kể cả việc nghiền xương, giã thịt theo lối của Trung Hoa, đối với người Tây phương và chúng ta ngày nay thì thật dã man nhưng cũng là tập tục thông thường thời đó. Điều đáng đặt ra cho chúng ta là không hiểu vì cơ gì vua Gia Long lại trả thù cả đến xác chết một cách lạ lùng, cho lính tiểu tiện vào hài cốt của vua Quang Trung và vua Thái Đức. Việc đó không phù hợp với luân lý và đạo đức cố hữu của dân tộc. Liệu hành vi đó phát xuất từ lòng căm phẫn hay vì một lý do trấn yểm thần bí nào khác mà chúng ta chưa biết?

Tháng 2 năm 2005

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-0-

1. Amranand, Ping và William Warren: *The Elephant in Thai Life & Legend* (Bangkok: Monsoon Editions Ltd, 1998)
2. Borri, Cristophoro: *Tường Trình về Khu Truyền Giáo Đàng Trong 1631* (USA: Thăng Long, không đề năm)
3. Chula Charrabongse: *Lords of Life – A History of the Kings of Thailand* (revised edition) (London: Alvin Redman, 1967)
4. Cowley, Robert & Geoffrey Parker (ed.): *The Reader's Companion to Military History* (Boston: Houghton Mifflin Company, 1996)
5. Danielou, Alain: *The Gods of India* (New York: Inner Traditions Internationals, Ltd. 1985 tr. 283)
6. Heath, Ian: *Armies of the Nineteenth Century: Asia (V. 4 – Burma and Indo-China)* (Great Britain: Foundry Books, 2003)
7. Hintz, Martin: *Tons of Fun Training Elephants* (New York: Julian Messner, 1982)
8. Hoa Bằng: *Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792*, (Saigon: Thư Lâm, 1958)
9. Hoàng Xuân Hãn: *La Sơn Yên Hồ, tập II, trước tác, phần II: Lịch Sử*, (Hà Nội: nxb Giáo Dục 1998)
10. Hocquard, É.: *War and Peace in Hanoi and Tonkin* (Bangkok: White Lotus Co. Ltd., 1999)
11. Jones, John R.: *Vietnam Now* (Aston Publications, 1989)
12. Lach, Donald F.: *Asia in the Making of Europe (V. III – Book 3, Southeast Asia)* (The University of Chicago Press 1993)
13. Lê Đông Phương(黎東方): *Tế Thuyết Thanh Triều 細說清朝*(quyển thượng) (Truyện Ký Văn Học Xã, Đài Bắc 1987)

14. *Lê Triều Hình Luật* (Nguyễn Q. Thắng dịch) (Hà Nội: nxb Văn Hoá, 1998)
15. *Lịch Sử Văn Hoá Trung Quốc* (tập I) (Hà Nội: nxb VHNT, 1999)
16. *Một Vài Sử Liệu Về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ*, (California: Đại Nam, 1992) Đặng Phương Nghi: *Vài Tài Liệu Mới La Về Những Cuộc Bắc Tiến Của Nguyễn Huệ*
17. Nicolle, David: *The Mongol Warlords* (UK: Brockhampton Press, 1998)
18. Đỗ Bang: *Những khám phá về Hoàng Đế Quang Trung* (Huế: nxb Thuận Hoá 2003)
19. Phan Lang: *Hoa Cảnh về Người và Xứ Quảng Nam dưới thời Tây Sơn*, (Cali. USA: *Việt Báo Kinh Tế* số Tết Canh Thìn 2000)
20. Quốc Sử Quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (bản dịch Viện Sử Học) (Hà Nội: nxb Giáo Dục, 1998)
21. Reid, Anthony: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680* (Yale University Press: 1988 V. 1)
22. Sharp, Harold S.: *The Invention of Gunpowder - Footnotes to World History* (N.J. & London: The Scarecrow Press, Inc. Metuchen, 1979)
23. Tarling, Nicholas (ed.): *The Cambridge History of Southeast Asia, tập I, phần 2: từ 1500 đến 1800* (Cambridge: Cambridge University Press, 1999)
24. Woodside, Alexander Barton: *Vietnam and the Chinese Model – A Comparative Study of Nguyễn and Ch'ing Civil Government in the First Half of the Nineteenth Century* (Mass: Harvard University Press, 1971)
25. Trang Cát Phát (莊吉發): *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu* (清高宗十全武功研究) (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987) (chụp lại bản của Đài Loan Cổ Cung Tùng San, Giáp Chung số 26, tháng 6 năm 1982)

¹ Hiện nay những dân tộc thiểu số ở cao nguyên Trung Phần Việt Nam vẫn rất chuyên nghiệp trong việc săn bắt và thuần hóa voi, hàng năm thường có những cuộc diễn hành và biểu diễn trong những dịp khánh tiết. (John R. Jones: *Vietnam Now*, Aston Publications, 1989 tr. 94)

² Lịch sử nước ta cũng có đề cập đến nhiều danh nhân cưỡi voi như Hai Bà Trưng, Bà Triệu ... nhưng những người này đều có gốc tích phát xuất từ vùng trung và thượng du, khu vực của người Việt cổ (Mường) chứ không phải dân vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

³ *Matangi, the Elephant Power, the Power of Domination and the Night-of-Delusion* Alain Danielou: *The Gods of India* (New York: Inner Traditions Internationals, Ltd. 1985 tr. 283)

⁴ Alexander B. Woodside, *Vietnam and the Chinese Model* (Mass: Harvard University Press, 1971) tr. 25

⁵ Anthony Reid: *Southeast Asia in the Age of Commerce 1450-1680* (Yale University Press: 1988 V. 1) tr. 183-5

⁶ Anthony Reid: sđd. tr. 124

⁷ Chula Charrabongse: *Lords of Life – A History of the Kings of Thailand* (revised edition) (London: Alvin Redman, 1967) tr. 29

⁸ Ping Amranand và William Warren: *The Elephant in Thai Life & Legend* (Bangkok: Monsoon Editions Ltd, 1998) tr. 58 ... *an animal trained to be obediently ferocious, in battle to wield a mighty sword, and, as an executioner, to kill men by tossing, trampling, and rending them. Such monsters relished a bran mash flavored with babies ...*

⁹ Vì tỉ lệ voi đực (có ngà) và voi cái (không ngà) chênh lệch rất xa nên việc tìm bắt và huấn luyện để có được một đàn voi chiến rất tốn kém, mất nhiều thời giờ (voi phải mất khoảng 15 năm mới trưởng thành). Vì thế mặc dầu tượng binh có thể đông nhưng chủ yếu là để chuyên chở hay để cưỡi còn voi để dùng trong chiến đấu rất ít. Có thể so sánh voi chiến cũng như gà nòi, kiếm được một con vật đủ tiêu chuẩn để huấn luyện thành chiến tượng không phải dễ. Voi chiến lại chỉ nghe lời một người nên muốn tập cho nó nghe hiểu vài ba thứ tiếng lại càng khó khăn. Nhiều quốc gia có những đàn voi hàng nghìn con nhưng voi chiến chỉ thường vài chục.

¹⁰ Chula Charrabongse: tr. 40-1

¹¹ Súng thần công loại nhỏ

¹² Ping Amranand: sđd tr. 58

¹³ Ian Heath, *Armies of the Nineteenth Century: Asia* (V. 4 – Burma and Indo-China) 2003 tr. 144

¹⁴ É. Hocquard: *War and Peace in Hanoi and Tonkin* (Bangkok: White Lotus Co. Ltd., 1999) tr. 161 ... *The mahout rides as if on horseback on the neck of the elephant; his feet hanging between the ear and the shoulder of the animal. In his hand he holds a pointed hook armed with a short hatchet. In the middle of its forehead the elephant has a small wound the size of a one franc piece which has been made deliberately, and which they prevent from closing up. The mahout directs his animal by touching the wound with the point of his hook ...*

¹⁵ trích lại theo Ian Heath, sđd. tr. 144

¹⁶ Ian Heath, sđd tr. 144

¹⁷ Ping Amranand: sđd tr. 62

¹⁸ Ian Heath, sđd tr. 28-30

¹⁹ nài thường là người Cao Miên, Chàm, Lào, Thượng đã chặn voi từ lâu nên biết cách ra lệnh cho con vật. Người Việt ít ai học được cách huấn luyện voi nên chỉ huy tượng binh chủ yếu là người Thượng hay người Chăm.

²⁰ David Nicolle: *The Mongol Warlords* (UK: Brockhampton Press, 1998) tr. 58-9

²¹ Các sử gia Việt Nam miêu tả tượng binh nhà Tây Sơn cũng rất mơ hồ, không nêu lên được những đặc tính tiêu biểu mà chỉ giống như một đàn trâu, đàn ngựa được lừa đi trước. Chỉ đến đời Nguyễn nước ta mới có tượng binh đúng nghĩa nhưng chẳng bao lâu vì kỹ thuật vũ khí mới khiến cho voi không còn hữu hiệu nên chỉ còn được dùng làm cảnh, xuất hiện trong những buổi lễ, thi cử và nuôi lễ tế ở mỗi tỉnh một cách tượng trưng.

²² Cristophoro Borri: *Tường Trình về Khu Truyền Giáo Đàng Trong 1631* (USA: Thăng Long, không đề năm) tr. 24

²³ Donald F. Lach: *Asia in the Making of Europe* (V. III – Book 3, Southeast Asia) (The University of Chicago Press 1993) tr. 1260. hình ảnh con voi mà họa viên William Alexander trong phái bộ Macartney ghé ngang Cửa Hàn năm 1793 (Touron hay Tourane) với người quả tượng bé tí teo nằm trên đầu con vật cho thấy thời kỳ đó con vật nhà Tây Sơn dùng trong chiến tranh lớn hơn các loại voi hiện nay. (Xem *Hoa Cảnh về Người và Xứ Quảng Nam dưới thời Tây Sơn*, Phan Lang, *Việt Báo Kinh Tế* số Tết Canh Thìn 2000, Cali. USA trang 47). Voi Á châu cao tới 3 thước, nặng từ 3 đến 4 tấn (3-4000 kg), sống thành đàn. Voi Xiêm La (tức cùng giống dùng trong tượng binh Đàng Trong) to nổi tiếng và nhiều cái tên còn lưu lại trong các đoàn xiếc và phim ảnh Tây phương hồi đầu thế kỷ 20 như Queenie, Happy, Sally, Ziggy ... (Martin Hintz: *Tons of Fun Training Elephants*, 1982 tr. 30). Những giống voi lớn nhất thường tìm thấy ở Lào và Bắc Thái mà người ta miêu tả là cao đến 12-3 feet (gần 4 thước), có lẽ là voi mà người Âu Châu thấy ở Đàng Trong thời Tây Sơn.

²⁴ Cristophoro Borri, sđd tr. 26

²⁵ Vũ Minh Giang: *Tây Sơn thương đạo, căn cứ đầu tiên của cuộc khởi nghĩa* trong tuyển tập *Tây Sơn Nguyễn Huệ* (Ty VHNTT Nghĩa Bình ấn hành 1978), dẫn lại theo Li Tana: sđd tr. 148

²⁶ Woodside: sđd tr. 24

²⁷ Tôn Sĩ Nghị (孫士毅 - 1720-1796), tổng đốc Lương Quảng

²⁸ Hoa Bằng: *Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc 1788-1792*, (Saigon: Thư Lâm, 1958) tr. 160

²⁹ Những chi tiết này có thể cũng không đúng sự thật. Các cánh quân của Tôn Sĩ Nghị đã được bố trí rải rác theo đúng phép dùng binh, nếu có chỉ là tăng viện chứ không phải khi đó mới trấn giữ.

³⁰ Nguyễn Huệ đem ra Bắc vài trăm con voi nhưng chia ra đánh nhiều chỗ không phải chỉ một trăm con như sách vở miêu tả.

³¹ *Việt Thanh chiến sử* (*La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, 1998) tr. 1344. Ngụy Nguyên không chính mắt trông thấy nên có thể ông chỉ ghi lại theo lời đồn và không nắm vững lối dùng voi tấn công của vùng Đông Nam Á. Chướng ngại lớn nhất khi giao chiến giữa hai đoàn quân, một tấn công, một phòng thủ vẫn là làm sao phá vỡ được hàng rào để xông vào. Nguyễn Huệ dùng voi cũng là một chiến thuật bất đắc dĩ vì mỗi lần xung phong đều tổn hại rất lớn. Việc dùng rơm rạ để che chính là để giảm thiểu hi sinh cho quân sĩ và voi. Chúng ta có thể đưa ra một giả thuyết là vì hỏa lực của quân Thanh bắn quá rát nên các binh sĩ hộ vệ chung quanh voi sử dụng những lá chắn đó để bảo vệ cho con vật tiến sát chân thành chứ không phải dùng để cho lính xung phong như Việt sử miêu tả. Một điều giản dị là nếu để binh sĩ đi đầu thì khi voi tiến lên sẽ giầy xéo quân mình trước khi chạm địch. Còn nếu voi đi trước thì hỏa lực của địch

sẽ khiến cho hàng ngũ rối loạn có thể quay ngược trở lại quân mình. Miêu tả của Ngụy Nguyên “*giặc đều chờ đại bác bằng voi mà xông vào trận*” phải được hiểu là dùng để chuyên chở chứ không phải để vừa xung kích, vừa tác xạ. Nghiên cứu về cách bài binh của vùng Đông Nam Á sẽ cho chúng ta cái nhìn rõ ràng hơn về phương pháp của Nguyễn Huệ.

³² Đặng Phương Nghi: *Vài Tài Liệu Mới La Về Những Cuộc Bắc Tiến Của Nguyễn Huệ (Một Vài Sử Liệu Về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ*, Đại Nam California 1992) tr. 209-10. Không biết ở những đồn này súng ống được trang bị như thế nào nhưng sau trận đánh năm Kỷ Dậu – theo các giáo sĩ thì vua Quang Trung đã lấy được của địch quân “*hai ba nghìn cỗ đại bác và chiến pháo, không biết bao nhiêu là súng dài và khí giới khác nhau cùng với vô số tiền bạc và những vật liệu quý giá ...*” để đem về Phú Xuân. Tuy nhiên cũng có thể một phần khí giới đây là của ông đem ra Bắc.

³³ Nguyễn Nhã: *Nguyễn Huệ, một thiên tài quân sự (Một Vài Sử Liệu Về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ*, Đại Nam California 1992) tr. 104. Tuy nhiên rất có thể khi tấn công bằng voi, quân địch bắn rất quá, Nguyễn Huệ xuống voi để tránh đạn của địch và dùng ngựa (đi phía sau) để chỉ huy. Trong trường hợp cận chiến như ở đây, voi không còn dùng để cưỡi mà dùng để công thành, húc vào các chướng ngại theo đúng lối đánh bằng tượng binh của vùng Đông Nam Á.

³⁴ Theo dã sử, quân Thanh bắn ra khiến voi của ta không tiến lên được, Nam quân phải dựng những bức tường rơm tẩm nước để tiến lên. Những mũi xung này được chế tạo từ trước chứ không phải lúc đó mới làm.

³⁵ Nguyên văn: 阮文惠命兵丁以禾稈網紮成束，亂滾而前，勁兵隨後推進 (Nguyễn Văn Huệ mệnh binh đinh dĩ hoà cán khổn trát thành thức, loạn cổn nhi tiền, kính binh tuy hậu thôi tiến)

³⁶ Vào thời kỳ đó, thuốc súng (black powder) bao gồm 75% là potassium nitrate (saltpeter), 15% than (carbon) và 10% lưu huỳnh (sulfur), khi cháy ra rất nhiều khói. Thuốc súng mạnh hơn và không khói như các loại nitrocellulose, nitroglycerin, ballistite ... chỉ mới được chế tạo vào thế kỷ 19. (Harold S. Sharp: *The Invention of Gunpowder - Footnotes to World History – The Scarecrow Press, Inc. Metuchen, N.J. & London 1979*) tr. 117-8. Ngoài ra cũng có thể quân Thanh và quân Tây Sơn đã đốt loại khói độc (toxic smoke-bombs) tức hoả cầu (火毬) trong có chứa các loại thạch tín (arsenic tức phê sương 砒霜) vì thủy khấu rất thường sử dụng trong các trận đánh trên biển cả.

³⁷ Khi tướng lãnh thấy tình hình quá bi đát, phải liều chết để bảo toàn danh tiết thì sai người mang ấn tín vượt vòng vây đem về như một dấu hiệu tận trung báo quốc. Tuy nhiên ấn tín của Hứa Thế Hanh sau này cũng bị quân Nam bắt được.

³⁸ Theo Ngụy Nguyên thì những tướng lãnh này bị chết khi tranh nhau quan cầu phao vượt sông Nhị Hà nên bị chết đuối. Ngụy Nguyên cũng viết là quân Nam đánh vào Thăng Long ngày mồng một Tết khi quân Thanh đang ăn cỗ. Thực ra mãi đến mồng 5 quân Tây Sơn mới tiến đến đánh với Sâm Nghi Đống tại Đống Đa (sau này giỗ trận Đống Đa vào ngày mồng 5). Việc miêu tả Tôn Sĩ Nghị còn đang yếm ả thì quân ta kéo đến cũng là hư cấu vì trong mấy ngày liền các trận đánh càng lúc càng ác liệt, càng tới gần, quân Thanh lo chống trả còn chưa xong, không thể nào vui chơi ca hát được. Cũng không có việc quân ta kéo đến nhanh quá nên địch không biết gì cả.

³⁹ Trang Cát Phát (莊吉發): *Thanh Cao Tông Thập Toàn Võ Công Nghiên Cứu (清高宗十全武功研究)* (Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987) tr. 379. Theo thư của các giáo sĩ có mặt tại Bắc Hà còn lưu tại Nha Văn Khố Quốc Gia Paris thì “...ít nhất là có 8000 lính Tây Sơn bị giết trong số đó có một sĩ quan cao cấp (cũng là dũng sĩ của Quang Trung) tên là Đô Đốc Lân ...” (Đặng Phương Nghi: sđd tr. 208)

⁴⁰ gọi chung võ quan cấp nhỏ đời Thanh. Tuy nhiên khi giao trả tù binh thì Lao Hiển (勞顯) mang cấp bậc thủ bị (tướng đương thiếu tá), Trương Hội Nguyên (張會元) là đề tiêu du kích (tướng đương thượng tá) tỉnh Quảng Đông.

⁴¹ Trang Cát Phát: sđd tr. 378 (lời khai này còn giữ trong hồ sơ Quân Cơ Xứ, nguyệt triệp bao, thùng số 2778, bao số 162, đánh số 38905) (軍機處月摺包). Sở dĩ y khai là chưa từng gặp Nguyễn Huệ vì có người tố cáo là đã phản bội nên phải cung khai về hành vi khi bị quân ta bắt.

⁴² Theo Lý Văn Hùng dịch *Lĩnh Biểu Kỳ Man* (Lưu Tích Phồn) thì binh của họ Sầm gọi là “lang binh” (binh chó sói) người Nùng nhưng theo trên địa đồ thì có lẽ là người Thái hay Miêu. Thái thú cũng chỉ là một chức thổ ti nhỏ, không phải tri phủ Điền Châu như nhiều sách vở chép.

⁴³ Đặng Phương Nghi: sđd tr. 209. Những dân tộc thiểu số dọc theo biên giới Hoa – Việt được tổ chức thành những đơn vị dân quân, trang bị súng điểu thương. Vào thời đó, súng còn phải cần hai chiếc nạng chống và chưa nhắm được, chỉ để dưới đất rồi bắn phồng chùng, vừa công kênh vừa không chính xác, kém linh hoạt nên quân Thanh không ưa chuộng. Thành thử họ đem súng trang bị cho các dân tộc vùng núi. Cho đến nay, nhiều sắc dân tại vùng tây nam nước Tàu vẫn còn sử dụng những loại súng cổ điển này để tự vệ và săn bắn.

⁴⁴ Alexander B. Woodside, sđd tr. 24

⁴⁵ Ian Heath, sđd tr. 182

⁴⁶ *Lịch Sử Văn Hoá Trung Quốc* (tập I) (Hà Nội: nxb VHHT, 1999) dịch theo bản gốc của nxb Cổ Tịch Thượng Hải tr. 155 -162.

⁴⁷ *Lê Triều Hình Luật* (Nguyễn Q. Thắng dịch) (Hà Nội: nxb Văn Hoá, 1998) tr. 33

⁴⁸ *Nhiệm Kế Dũ* (chủ biên): Trung Quốc Văn Hoá Đại Điển (Sơn Tây: Sơn Tây giáo dục xuất bản xã, 1999) tr. 1296

⁴⁹ Sử Tàu chép về vụ Lưu Cảnh đời Minh bị hành hình, cắt tổng cộng 3353 nhát dao, ba ngày mới hoàn tất vụ hành hình. Ngày đầu tiên cắt 357 nhát dao, mỗi khi tội nhân hôn mê lại cứu tỉnh rồi thụ hình tiếp. Trạch Văn Minh (chủ biên): *The Whole History of China* (Trung Quốc toàn sử, quyển 2) (Bắc Kinh: Quang Minh nhật báo xuất bản xã, 2002) tr. 100

⁵⁰ Ngoài ra cũng theo lý giải của cụ Bùi Quang Tung chúng tôi lần theo và tìm ra đoạn sau đây của Phan Thúc Trực (*Quốc Sử Di Biên*, Hương Cảng Trung Văn Đại Học 1965) tr. 20:

冬十月獻俘于太廟，本月六日，祭天地，七月謁太廟，將偽纘兄弟，及耀勇等，戮之梟首，岳惠亦發塚戮屍，西山遂亡，西山自癸巳阮岳弄兵，歷阮惠至阮纘壬戌，通三十年。

Đông thập nguyệt hiến phu vu Thái Miếu, bản nguyệt lục nhật, tế thiên địa, thất nguyệt yết Thái Miếu, tương nguy Toàn huynh đệ, cập Diêu, Dũng đảng, trạc chi kiêu thủ, Nhạc Huệ diệc phát trủng lục thi, Tây Sơn toại vong, Tây Sơn tự Quý Tị Nguyễn Nhạc lộng binh, lịch Nguyễn Huệ chí Nguyễn Toàn Nhâm Tuất, thông tam thập niên.

Tháng 10 mùa đông làm lễ hiến phu (lễ trình tù binh lên tổ tiên để báo tin thắng trận) ở Thái Miếu, ngày mồng sáu cùng tháng tế trời đất, ngày mồng bảy cáo yết Thái Miếu, (rồi) đem anh em nguy Toàn, cùng bọn Diêu, Dũng bêu đầu (trạc nguyên là chặt đầu cắm trên cái cọc tre), còn Nhạc, Huệ thì đào mồ xẻ thân, Tây Sơn đến đây là hết. Nhà Tây Sơn từ khi nổi binh (làm loạn) năm Quý Tị (1773) qua đến Nguyễn Huệ rồi Nguyễn Toàn là năm Nhâm Tuất (1802) tất cả là ba mươi năm.

(trích đoạn của cụ Bùi có vài chữ viết sai với nguyên văn trong sách chúng tôi có, cũng xin sửa lại cho đúng)